

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN

LẬP BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Công văn số 2149/TCMT-BTĐDSH, ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Tổng cục Môi trường)

MỤC LỤC

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
I. Phạm vi điều chỉnh.....	2
II. Đối tượng áp dụng.....	2
III. Giải thích từ ngữ.....	2
IV. Nguyên tắc lập Báo cáo đa dạng sinh học	3
V. Hệ thống các văn bản, hướng dẫn liên quan tới thông tin, dữ liệu đa dạng sinh học	3
VI. Nguồn thông tin và dữ liệu phục vụ lập Báo đa dạng sinh học	4
VII. Xây dựng và nộp Báo cáo đa dạng sinh học	4
PHẦN II. HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC	5
I. Trình tự lập Báo cáo đa dạng sinh học	5
II. Phương pháp và kỹ thuật lập Báo cáo	5
III. Thành lập Tổ biên tập Báo cáo	6
IV. Tổ chức tham vấn các bên liên quan cho dự thảo Báo cáo.....	6
V. Trình, phê duyệt Báo cáo	6
VI. Gửi và công khai Báo cáo	6
PHẦN III. NỘI DUNG BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC	8
I. Nội dung báo cáo đa dạng sinh học quốc gia	8
1. Khung Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia	8
2. Cấu trúc Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia	9
II. Nội dung báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh.....	13
1. Khung Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh.....	13
2. Cấu trúc Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh	14
III. Nội dung báo cáo đa dạng sinh học khu bảo tồn	21
1. Khung Báo cáo đa dạng sinh học khu bảo tồn:.....	21
2. Cấu trúc Báo cáo đa dạng sinh học khu bảo tồn	22
PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	29
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	30
PHỤ LỤC	31

PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi điều chỉnh

Tài liệu này hướng dẫn các nội dung, phương pháp, trình tự lập Báo cáo đa dạng sinh học (ĐDSH) theo quy định tại Điều 29 và Điều 72 của Luật Đa dạng sinh học (2008).

II. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của bản hướng dẫn này bao gồm: Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về lập Báo cáo đa dạng sinh học.

III. Giải thích từ ngữ

1. *Báo cáo đa dạng sinh học (sau đây gọi chung là Báo cáo)* là kết quả tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin, dữ liệu về điều tra, quan trắc, thống kê đa dạng sinh học; Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả.

2. *Mô hình P-S-B-R* là mô hình mô tả mối quan hệ tương hỗ giữa Áp lực (Pressure – P) của các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến đa dạng sinh học - Hiện trạng (State – S) đa dạng sinh học - Lợi ích (Benefit – B): gồm các giá trị đa dạng sinh học - Đáp ứng (Response – R): gồm các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học (theo “*Hướng các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học* Response – R) sure – P) am” (Sản phẩm của Dự án “*Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học ở Việt Nam*” do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ)).

3. *Chỉ thị đa dạng sinh học (sau đây gọi chung là chỉ thị)*: các phép đo đặc trực tiếp chuyển tải các thông tin liên quan đến ĐDSH như tình trạng các hệ sinh thái (HST), các loài; các hành động của con người nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học như xây dựng các khu bảo tồn, các quy định khai thác tài nguyên sinh vật; các áp lực hoặc mối đe dọa tới đa dạng sinh học như làm suy thoái hệ sinh thái hoặc mất nơi cư trú (theo *Công ước đa dạng sinh học, 2011*), chỉ thị gồm 2 loại: chỉ thị đơn (single indicator) và chỉ thị kép/phức hợp (composite indicator).

- Thí dụ về chỉ thị đơn: ước lượng số lượng cá thể hổ trong một lãnh thổ quốc gia - một thông số tương đối đơn giản có ý nghĩa biểu thị sức khỏe của các hệ sinh thái/nơi cư trú trên cạn (của loài hổ);

- Thí dụ về chỉ thị kép/phức hợp: chỉ thị sức khỏe hệ sinh thái rừng được thể hiện ở một vài thông số quan trắc như đánh giá chỉ số đa dạng (thực vật, động vật), mật độ (cây, con), sinh khối cây, chỉ số chuẩn hóa sự khác biệt về thảm thực vật (NDVI); hoặc chỉ thị môi trường nước có các thông số quan trắc cơ bản như: nhiệt độ; độ mặn; pH, ôxy hoà tan..., COD, BOD, dinh dưỡng ni tơ, photpho...

Như vậy, trong một số trường hợp tùy thuộc vào điều kiện nguồn lực, chỉ cần sử dụng một vài thông số quan trọng nhất trong chỉ thị phức hợp để quan trắc như là chỉ thị đơn nhưng đủ điều kiện để trả lời câu hỏi của chỉ thị phức hợp.

4. *Quan trắc đa dạng sinh học*: quan trắc đa dạng sinh học là việc đo đạc lặp đi lặp lại trực tiếp hoặc gián tiếp một cách có hệ thống các chỉ thị phản ánh hiện trạng, xu hướng biến đổi của ĐDSH, các ảnh hưởng bất lợi đối với tài nguyên ĐDSH để từ đó giúp các nhà hoạch định chính sách có các hoạt động ưu tiên, cải thiện công tác quản lý các hệ sinh thái, các loài và nguồn gen (*theo Công ước đa dạng sinh học, 2011*).

IV. Nguyên tắc lập Báo cáo đa dạng sinh học

Việc lập Báo cáo phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Cập nhật, kịp thời, đầy đủ và có hệ thống đáp ứng cho công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh;

- Bảo đảm tính chính xác, khoa học;
- Xây dựng theo mô hình P-S-B-R;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước.

V. Hệ thống các văn bản, hướng dẫn liên quan tới thông tin, dữ liệu đa dạng sinh học

- Điều 29 và Điều 72 của Luật Đa dạng sinh học 2008;
- Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;
- Hướng dẫn kỹ thuật về điều tra cơ bản đa dạng sinh học;
- Hệ thống báo cáo đa dạng sinh học:
 - + Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia,
 - + Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây xin gọi tắt là “Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh”),
 - + Báo cáo đa dạng sinh học của khu bảo tồn.

VI. Nguồn thông tin và dữ liệu phục vụ lập Báo đa dạng sinh học

1. Thông tin và số liệu từ các Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, của các Bộ ngành và Cục thống kê cấp tỉnh.
2. Thông tin và số liệu từ các Bộ, các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học.
3. Thông tin và số liệu từ các kết quả quan trắc đa dạng sinh học của hệ thống quan trắc đa dạng sinh học quốc gia và hệ thống quan trắc môi trường địa phương.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát bổ sung về những vấn đề đa dạng sinh học chuyên đề (do chính cơ quan chủ trì lập báo cáo thực hiện) nhằm mục đích hỗ trợ dữ liệu cho công tác lập báo cáo.
5. Thông tin và số liệu từ các nguồn khác:
 - a) Kết quả quan trắc của các trạm quan trắc hoặc trung tâm quan trắc môi trường nằm ngoài hệ thống các trạm quan trắc môi trường quốc gia và địa phương: đơn vị quản lý quan trắc của các trạm quan trắc hoặc trung tâm quan trắc môi trường nằm ngoài hệ thống các 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
 - b) Kết quả nghiên cứu, khảo sát phục vụ cho báo cáo;
 - c) Kết quả của các đề tài, dự án, nhiệm vụ đã được nghiệm thu và công bố, công khai chính thức.

VII. Xây dựng và nộp Báo cáo đa dạng sinh học

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm định kỳ 05 (năm) năm một lần xây dựng Báo cáo đa dạng sinh học tỉnh theo khung và cấu trúc báo cáo quy định tại Mục II, Phần III của Hướng dẫn này và gửi báo cáo bằng văn bản về Tổng cục Môi trường.
2. Ban quản lý khu bảo tồn có trách nhiệm định kỳ 03 (ba) năm một lần xây dựng Báo cáo đa dạng sinh học khu bảo tồn theo khung và cấu trúc báo cáo quy định tại Mục III, Phần III của Hướng dẫn này, đồng thời gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý khu bảo tồn và Tổng cục Môi trường.
3. Sau khi nhận được các Báo cáo đa dạng sinh học của các tỉnh và khu bảo tồn, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm định kỳ 05 (năm) năm một lần xây dựng và ban hành Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia theo khung và cấu trúc báo cáo quy định tại Mục I, Phần III của Hướng dẫn này.

PHẦN II. HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC

I. Trình tự lập Báo cáo đa dạng sinh học

Trình tự lập Báo cáo gồm những bước sau:

- a. Thành lập Tổ biên tập (Theo nhu cầu thực tế, nếu cơ quan quản lý nhà nước thuê tư vấn lập Báo cáo đa dạng sinh học thì không cần thành lập Tổ biên tập báo cáo);
- b. Xác định mục tiêu và xây dựng đề cương của Báo cáo;
- c. Thu thập thông tin, số liệu, xác định chỉ thị cần thiết;
- d. Tổ chức biên soạn Báo cáo theo đề cương và nội dung Báo cáo quy định tại Phần III và phụ lục 2 của Hướng dẫn;
- e. Tổ chức tham vấn các bên liên quan cho các Dự thảo Báo cáo;
- f. Hoàn thiện Báo cáo;
- g. Phê duyệt, gửi và công khai Báo cáo.

II. Phương pháp và kỹ thuật lập Báo cáo

a. Phương pháp

- Báo cáo được xây dựng dưới dạng văn bản, theo cách tiếp cận mô hình P-S-B-R: phân tích các yếu tố áp lực tới ĐDSH (có thể xem các yếu tố này là những nguyên nhân gây suy thoái hệ sinh thái và ĐDSH); đánh giá thực trạng, giá trị, sự biến động của ĐDSH khi chịu các tác động để đưa ra giải pháp đáp ứng, đề xuất cho cơ quan quản lý nhà nước đưa ra những chính sách/hành động bảo tồn ĐDSH. Báo cáo được xây dựng dưới dạng văn bản, theo cách tiếp cận mô hình P-S-B-R: phân tích các yếu tố (Sáo cáo được xây dựng dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học ở Việt Nam” do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ) cũng được xây dựng theo mô hình này. Vì vậy những nội dung của báo cáo đa dạng sinh học (quốc gia, tỉnh và khu bảo tồn) sẽ được xây dựng dựa trên bộ chỉ thị này.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu khi đánh giá, phân tích các vấn đề: trong nội dung của báo cáo, các dẫn liệu, số liệu về ĐDSH được cập nhật và so sánh, đối chiếu với các dẫn liệu, số liệu trước đó để đưa ra đánh giá kết quả của công tác bảo tồn cũng như diễn biến của ĐDSH.

- Phương pháp chuyên gia: Cơ quan quản lý nhà nước xây dựng hoặc thuê tư vấn lập Báo cáo. Báo cáo này sẽ được xin ý kiến đóng góp của các chuyên gia từ các Bộ, Sở, Ban, Ngành, đơn vị nghiên cứu, quản lý liên quan tại trung ương và địa phương thông qua các hội thảo, họp chuyên gia.

b. Kỹ thuật sử dụng

- Sử dụng thông tin ĐDSH cơ bản mang tính định lượng (từ nguồn thống kê) làm dữ liệu chính để lập báo cáo ĐDSH. Các thông tin ĐDSH cơ bản được

đề xuất để sử dụng trong phạm vi báo cáo là thông tin cốt lõi, bảo đảm tính khoa học, mang tính đại diện, dễ thu thập nhằm đáp ứng điều kiện thực tế, đảm bảo tính khả thi để xây dựng báo cáo. Các thông tin liên quan tới ĐDSH cơ bản này cũng thể hiện theo mô hình P-S-B-R.

III. Thành lập Tổ biên tập Báo cáo

Theo nhu cầu thực tế, Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm lập Báo cáo đa dạng sinh học thành lập Tổ biên tập. Nhiệm vụ của Tổ biên tập Báo cáo:

- a) Thu thập, phân tích, xử lý số liệu; thiết kế xây dựng các đồ thị, bảng biểu, hình ảnh minh họa cho Báo cáo;
- b) Xây dựng các Báo cáo thành phần theo đề cương chi tiết đã được xây dựng;
- c) Xây dựng các dự thảo Báo cáo, tiếp thu ý kiến tham vấn, chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo.

IV. Tổ chức tham vấn các bên liên quan cho dự thảo Báo cáo

1. Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia: Tổng cục Môi trường gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản các Bộ, Ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan.
2. Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tại địa phương.
3. Báo cáo đa dạng sinh học cấp khu bảo tồn: Ban quản lý Khu bảo tồn gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản của các Sở, Ban Ngành và các đơn vị có liên quan tại tỉnh, huyện sở tại.

V. Trình, phê duyệt Báo cáo

1. Tổng cục Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đa dạng sinh học quốc gia.
2. Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chịu trách nhiệm lập Báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh.
3. Ban quản lý Khu bảo tồn trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý khu bảo tồn phê duyệt báo cáo đa dạng sinh học khu bảo tồn.

VI. Gửi và công khai Báo cáo

1. Sau khi Báo cáo được phê duyệt, cơ quan xây dựng có trách nhiệm nộp báo cáo tới cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công khai Báo cáo đa dạng sinh học trên trang thông tin điện tử:

a) Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Báo cáo đa dạng sinh học cấp tỉnh: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân và các Sở, Ban, Ngành liên quan của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Báo cáo đa dạng sinh học cấp khu bảo tồn: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử khu bảo tồn (nếu có) và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý khu bảo tồn.

PHẦN III. NỘI DUNG BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC

I. Nội dung báo cáo đa dạng sinh học quốc gia

1. Khung Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia

Mục lục

Danh sách những người tham gia biên soạn

Danh mục chữ viết tắt

Danh mục hình, ảnh

Danh mục khung

Danh mục bảng

Lời nói đầu

Trích yếu

- Giới thiệu chung về báo cáo: mục đích, phạm vi của báo cáo, đối tượng phục vụ của báo cáo, hướng dẫn người đọc;

- Tóm tắt ngắn gọn các chương mục của báo cáo.

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Hiện trạng, diễn biến ĐDSH

1.1. Đa dạng sinh học các hệ sinh thái

1.2. Đa dạng sinh học loài

1.3. Đa dạng sinh học nguồn gen

2. Các giá trị đa dạng sinh học

3. Các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến đa dạng sinh học

4. Các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học

CHƯƠNG II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BẢO TỒN ĐDSH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Những tồn tại và thách thức trong hoạt động quản lý ĐDSH

2. Dự báo biến động ĐDSH

3. Định hướng công tác bảo tồn trong thời gian tới

4. Các giải pháp quản lý bảo tồn đa dạng sinh học

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

2. Cấu trúc Báo cáo đa dạng sinh học quốc gia: những nội dung của báo cáo đa dạng sinh học quốc gia được xây dựng dựa trên bộ chỉ thị đa dạng sinh học (chi tiết cho các hệ sinh thái rừng trên cạn, đất ngập nước ngọt, ven bờ và biển) (Dựa trên “Hướng dẫn xây dựng và sử dụng chỉ thị cho Việt Nam” - Sản phẩm của Dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học ở Việt Nam” do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ) tại phụ lục 1 kèm theo hướng dẫn này, cụ thể như sau:

Mục lục

Danh sách những người tham gia biên soạn

Danh mục chữ viết tắt

Danh mục hình, ảnh

Danh mục khung

Danh mục bảng

Lời nói đầu

Trích yếu

- Giới thiệu chung về báo cáo: mục đích, phạm vi của báo cáo, đối tượng phục vụ của báo cáo, hướng dẫn người đọc;

- Tóm tắt ngắn gọn các chương mục của báo cáo.

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Hiện trạng, diễn biến ĐDSH

1.1. Đa dạng sinh học các hệ sinh thái

a) Hệ sinh thái rừng trên cạn, hệ sinh thái đất ngập nước nội địa, hệ sinh thái biển và ven bờ: nêu thông tin về số lượng, Diện tích, độ che phủ rừng, đất ngập nước, đầm phá ven bờ, rạn san hô, thảm cỏ biển và những thay đổi của chúng theo Phụ lục 3 kèm theo Hướng dẫn này.

b) Tình trạng khu bảo tồn (được phân loại theo Luật Đa dạng sinh học)

- Tổng diện tích khu bảo tồn trên cả nước và tỷ lệ phần trăm của KBT thiên nhiên/tổng diện tích tự nhiên;

- Diện tích và tỷ lệ phần trăm các hành lang ĐDSH/Tổng diện tích rừng tự nhiên trên cả nước;

- Số lượng khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc tế: khu Ramsar, khu dự trữ sinh quyển, Vườn di sản ASEAN.

1.2. Đa dạng sinh học loài

a) Tổng số loài sinh vật đã biết (Thực vật, động vật trên cạn, vi sinh vật, sinh vật nước ngọt, sinh vật biển...): tổng hợp số liệu từ Danh lục các loài đã